

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST

Ngày 10-4-2019

Vv: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con và về cấp dưỡng”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Hoàng Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Thọ.

2. Ông Đặng Văn Đê.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vương Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2019, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và về cấp dưỡng*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15-3-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29-3-2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Trần L, sinh năm: 1987; địa chỉ: Tổ 12, ấp T, xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1992; địa chỉ: Tổ 12, ấp T, xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Ngô Trần L trình bày:*

Ông Ngô Trần L và bà Nguyễn Thị H quen biết nhau vào năm 2010, sau một thời gian quen biết, tìm hiểu thì quyết định tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận kết hôn

số 62, quyền số 01/2010 ngày 26-6-2010. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bên nào ép buộc bên nào, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng cũng gia bao nhiêu gia đình khác và có với nhau hai con chung là cháu Ngô Hoàng S và Ngô Hoàng P, nhưng sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn kéo dài cho đến nay. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên gây gổ, lớn tiếng với nhau. Do mâu thuẫn nên ông L về bên nhà cha mẹ ruột ở còn bà H với hai con ở tại nhà riêng của hai vợ chồng, nhưng một thời gian sau bà H cũng về nhà cha mẹ ruột ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Trước đó vào năm 2018, vợ chồng đã có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nhưng vì con cái nên đã rút đơn, từ đó đến nay vẫn không giải quyết được mâu thuẫn mà ngày càng nghiêm trọng hơn. Vì vậy, ông L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà H. Về con chung ông L đồng ý giao cháu Ngô Hoàng S, sinh ngày 08-7-2010 và Ngô Hoàng P, sinh ngày 28-11-2013 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và hàng tháng ông L cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng/cháu cho đến khi con trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo Bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà Nguyễn Thị H quen biết với ông Ngô Trần L vào năm 2007 đến năm 2010 thì đồng ý tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố B. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có hai con chung như ông L trình bày. Đến khoảng đầu năm 2018, ông L có biểu hiện không chung thủy nên không còn quan tâm chăm sóc thương yêu vợ con, do đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhưng không giải quyết được. Bà H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông L, nhưng do không sắp xếp được công việc và không muốn gặp mặt ông L nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật. Về con chung bà H đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng hai con là cháu Ngô Hoàng S và cháu Ngô Hoàng P đến tuổi trưởng thành, yêu ông L cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng/cháu. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Ngô Trần L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung gì thêm; bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập đầy đủ chứng cứ.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng:

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Trần L. Về án phí ông Ngô Trần L phải chịu án phí sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Theo đơn khởi kiện ông Ngô Trần L yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con và về cấp dưỡng đối với bà Nguyễn Thị H được xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và về cấp dưỡng” theo quy định tại khoản 1 và khoản 6 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hiện nay bà H đang cư trú tại thành phố Bà Rịa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Trần L và bà Nguyễn Thị H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Bịa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62, quyển số 01/2010 ngày 26-6-2010 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông L và bà H thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau hai người con chung, nhưng thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Theo ông L nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên gây gổ, lớn tiếng với nhau, còn bà H cho rằng do ông L có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên không còn yêu thương chăm sóc vợ con và đồng ý ly hôn với ông L. Trong quá tố tụng Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự giải quyết mâu thuẫn nhưng bà H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt vì lý do không sắp xếp được công việc và không muốn gặp mặt ông L. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng là có thật, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào

Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của ông L là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Ngô Hoàng S, sinh ngày 08-7-2010 và cháu Ngô Hoàng P, sinh ngày 28-11-2013. Theo nguyện vọng của cháu Sơn ông L đồng ý giao hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và hàng tháng cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng/cháu cho đến khi con trưởng thành và bà H cũng đồng ý. Xét thấy yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Ngô Trần L là nguyên đơn nên phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và do phải cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Trần L về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và về cấp dưỡng*” đối với bà Nguyễn Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Trần L được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Giao cháu Ngô Hoàng S, sinh ngày 08-7-2010 và cháu Ngô Hoàng P, sinh ngày 28-11-2013 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và ông Ngô Trần L phải cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng/cháu cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 5-2019 và việc cấp dưỡng được thực hiện từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng.

Ông Ngô Trần L được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Kể từ ngày, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.*

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Ông Ngô Trần L phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng. Tổng cộng phải nộp 600.000 (sáu trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0009805 ngày 24-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy, ông Ngô Trần L phải nộp thêm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 10-4-2019), các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. *“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- CCTHA dân sự thành phố Bà Rịa;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Võ Hoàng Đức**